

Số: 82/2021/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 02 tháng 03 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Huỳnh Tấn S, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện D, tỉnh Bến Tre

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bến Tre vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống có một con chung tên Huỳnh Ngọc Như Y sinh ngày 28/10/2014. Năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Chị L và anh S đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, nên cả hai không còn tình cảm. Chị L và anh S yêu cầu Tòa giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị L và anh S đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị L và anh S là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị L và anh S thống nhất anh Huỳnh Tấn S sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Như Y sinh ngày 28/10/2014. Anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: chị L và anh S thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị L và anh S thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Chị L và anh S tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L với anh Huỳnh Tấn S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh S thống nhất anh Huỳnh Tấn S sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Như Y sinh ngày 28/10/2014. Ghi nhận anh S không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị L và anh S thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: chị L và anh S thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Tấn S không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị L và anh S mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà chị L đã tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004909 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L và anh S đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Tân Thạch;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh